

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 6 - 2019

“tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cù Quý Nữ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hòa Đàm**

2. Bà **Võ Thị Mỹ Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Khôi** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thủy Tiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 481/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Diệu Th**, sinh năm 1998

Địa chỉ: Số nhà A, tổ B, ấp T, xã A, huyện Ch, tỉnh Đ

- Bị đơn: Anh **Lê Tấn A**, sinh năm 1992 (vắng)

Địa chỉ: Số nhà C, ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Vinh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2019 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Th trình bày:

Chị và anh Lê Tấn A thành hôn có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hội, thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long ngày 07/11/2016, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng về sau anh A lo vui chơi không chăm lo cho gia đình, chị cũng đã hết lòng khuyên nhưng anh A không sửa đổi mà còn

gây nợ. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị xin được ly hôn, chị đồng ý giao con chung là Lê Nguyễn Như Qu cho anh A tiếp tục nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Tài sản chung, nợ chung: không có nên không có yêu cầu.

Theo biên bản không hòa giải được, bị đơn anh A trình bày: anh không rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng như thế nào mà từ trước Tết nguyên đán thì chị Th nói là đi làm rồi sau đó không chịu về nhà và làm đơn xin ly hôn. Vợ chồng chung sống 6 năm nhưng vợ anh cũng không phụ giúp được gì cho gia đình nên anh nhận thấy không chung sống với nhau được. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Th, về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung, anh cũng thống nhất như yêu cầu của chị Th, riêng việc thăm nom con thì đề nghị chị Th liên lạc trực tiếp với anh. Do công việc cá nhân nên anh xin được vắng mặt trong các lần xét xử tại Tòa.

Tại phiên tòa, chị Th giữ yêu cầu xin ly hôn, con chung đồng ý giao cho anh A nuôi, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: áp dụng các Điều 28,35,39,147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, các Điều 55,81,82,83,84 Luật hôn nhân gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh A. Con chung Lê Nguyễn Như Qu sinh ngày 24/01/2014 giao cho anh A tiếp tục nuôi dưỡng, chị Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên miễn xét. Về án phí, chị Th chịu 600.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Diệu Th xin ly hôn với anh Lê Tấn A, anh A có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thuộc địa bàn thành phố Vĩnh Long giải quyết nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28,35,39 và 41 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

An A có ý kiến xin được vắng mặt trong các phiên xét xử tại Tòa, căn cứ Điều 227 BLTTDS năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh A.

[2] Về nội dung: chị Th và anh A thành hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hội, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Chị Th và anh A đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất ly hôn, nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Lê Nguyễn Như Qu sinh ngày 24/01/2014 hiện đang sống cùng anh A. Chị Th cũng đồng ý giao con cho anh A nuôi dưỡng, chị Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, anh A đồng ý theo yêu cầu của chị Th do đó chấp nhận yêu cầu của chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Qu mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu Qu tròn 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại các Điều 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên miễn xét.

[3] Án phí sơ thẩm: chị Th chịu 300.000đ án phí hôn nhân và 300.000đ án phí phần cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 55,81,82,83,84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu hôn của chị Nguyễn Diệu Th.

Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Diệu Th và anh Lê Tấn A.

Về con chung: tiếp tục giao cháu Lê Nguyễn Như Qu sinh ngày 24/01/2014 cho anh A nuôi dưỡng, chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu Qu tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 13/6/2019. Chị Th được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nếu chị Th lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Th.

Vì quyền lợi của con nên được thay đổi quyền nuôi con cũng như việc cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật khi có yêu cầu.

Tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên miễn xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Th phải chịu 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và án phí phần cấp dưỡng khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo lai thu số 0004474 ngày 10/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Chị Th phải nộp tiếp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND TP Vĩnh Long: 01b;
- CC THSDS TP Vĩnh Long: 01b;
- UBND xã T, Tp V: 01b
- Dương sự: 02b;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

CÙ QUÝ NỮ